

Bản án số: **284/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2024 về “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

HKTT: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn H được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tình cảm đôi bên. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn ngày 18/12/2023 tại UBND xã T, huyện Y. Sau khi kết hôn, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan luôn và vợ chồng anh chị hẹn nhau đến tháng 3/2024 thì về tổ chức đám cưới. Anh H đi lao động ở Đài Loan đến tháng 3/2024 về nước nhưng giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau nên không tổ chức đám cưới nữa. Đầu tháng 4/2024 anh H lại tiếp tục sang Đài Loan, từ đó chị và anh H xa cách, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được

nữa nên chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Hoàng Văn H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh H đến nay Tòa án không nhận được thông tin của anh H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Ngụy Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bà có ý kiến trình bày như sau: bà là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn H, anh H hiện đang lao động tại Đài Loan. Bà vẫn liên lạc với anh H qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Bà đã nhận thông báo thụ lý của Tòa án và thông báo tới anh H nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị T khởi kiện ly hôn anh.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Hoàng Văn H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn H. Bị đơn anh Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 16591/QLXNC-P3 ngày 25/7/2024 của Cục Q thì anh H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 04/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Hoàng Văn H được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh H xác định hiện anh H đang ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn ngày 18/12/2023 tại UBND xã T, huyện Y, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H. Xem xét đơn khởi kiện của chị T, HĐXX thấy: chị T xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau và không liên lạc với nhau. Anh H hiện đang ở nước ngoài vợ chồng xa cách, chị T xác định không còn tình cảm. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[4]. Về con chung: chị T xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị T không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Hoàng Văn H**.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001251 ngày 12/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh **Hoàng Văn H** hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị **Nguyễn Thị T** cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Trung Thông